

Bản án số: 18/2022/DS-ST

Ngày: 28-02-2022

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng góp hui*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Bảo Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Mạnh Quyết.

2. Ông Nguyễn Hồng Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng— Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 137/2021/TLST – DS ngày 26 tháng 11 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08B/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1959. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1. Bà B, sinh năm 1977 (có mặt)

2.2. Ông C, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà A trình bày: bà có làm chủ hui, ông C và bà B có tham gia dây hui, khai ngày 10/02/2015 (AL), hui trị giá 5.000.000 đồng, 06 tháng khai một lần, gồm 18 phần, ông C bà B tham gia chơi một phần. Ngày 10/8/2015, ông C bà B hốt hui, bà đã giao số tiền hui là 43.960.000 đồng, hui chơi ông C bà B đều biết, chứng kiến việc giao nhận tiền. Hui này chưa mãn, ông C bà B đã thiếu nhiều kỳ hui, bà đã đi khởi kiện, hiện nay còn thiếu 02 kỳ hui tháng 02/2021 và tháng 8/2021. bà khởi kiện yêu cầu ông C bà B trả 02 kỳ hui là 10.000.000 đồng, 01 kỳ là 5.000.000 đồng.

Bị đơn bà B trình bày: có tham gia dây hụi, khai ngày 10/02/2015 (AL), hụi trị giá 5.000.000 đồng, 06 tháng khai một lần, gồm 18 phần, bà tham gia chơi một phần. Ngày 10/8/2015, hốt hụi số tiền hụi là 43.960.000 đồng. Bà thừa nhận và đồng ý trả cho bà A số tiền 10.000.000 đồng gồm 02 kỳ hụi chết tháng 02/2021 và tháng 8/2021.

Ông C là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có bản tự khai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông C biết Tòa án có thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng góp hụi theo đơn khởi kiện của bà A nhưng ông Tâm không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc bà A khởi kiện.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng ông C không thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: Bà A khởi kiện yêu cầu bà B và ông C liên đới trả 02 kỳ hụi chết tháng 02/2021 và tháng 8/2021. Bà B đồng ý nên yêu cầu của bà A là có cơ sở. Riêng ông C vắng mặt, nhưng ông C và bà B là vợ chồng hợp pháp, đây là nợ trong thời kỳ hôn nhân, ông C phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà A. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà A và bà B tham gia chơi hụi với nhau. Nay bà A khởi kiện làm phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng góp hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật dân sự.

[2] Do bà B và ông C hiện cư ngụ tại huyện T, tỉnh Long An nên khi bà A khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không hòa giải được do bị đơn vắng mặt. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên tòa, ông C là bị đơn vắng mặt. Tuy nhiên, ông C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo phiên tòa. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông C là phù hợp với điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu của bà A, Hội đồng xét xử thấy:

[6] Ngày 10/02/2015 (AL), bà A là chủ hụi dây hụi trị giá 5.000.000 đồng, 06 tháng khai một lần, gồm 18 phần, bà B tham gia chơi một phần. Ngày 10/8/2015, bà B hốt hụi, bà đã giao số tiền hụi là 43.960.000 đồng, giao tiền hụi cho bà B có ông C chứng kiến, Qua nhiều kỳ hụi chết. Bà B còn thiếu lại 2 kỳ hụi tháng 02/2021 và tháng 8/2021, mỗi kỳ 5.000.000 đồng, bà A đã đóng choàng tiền hụi cho bà B 02 kỳ hụi là 10.000.000 đồng, bà A khởi kiện yêu cầu bà B trả số

tiền hội chết 10.000.000 đồng mà bà đã đóng choàng và ông C là chồng phải liên đới trả nợ do tiền hốt hội dùng cho mục đích sinh hoạt chung trong gia đình. Tại phiên tòa, bà B cũng thừa nhận có tham gia dây hội và có nợ 02 kỳ hội chết như bà A trình bày.

Theo Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ hội biểu phường (gọi chung là họ)

Tại Điều 24 quy định về trách nhiệm của thành viên không góp phần họ

“Trường hợp đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm đối với chủ họ như sau:

1. Hoàn trả số tiền mà chủ họ đã góp thay cho thành viên.

2. Trả lãi đối với số tiền chậm góp họ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này.”

[7] Xét thấy, bản chất của việc tham gia chơi hội, họ, biểu, phường là việc thoả thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân. Cho nên, mỗi lần góp hội là nghĩa vụ của các thành viên còn lại góp tiền cho thành viên được khai hội hốt hội, bà B đã hốt hội, nhận tiền hội đầy đủ, không đóng hội chết đúng kỳ, bà A đã góp thay tiền hội cho bà B. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào danh sách hội và lời thừa nhận của bà B, buộc bà B có nghĩa vụ trả cho bà A 02 kỳ hội chết tháng 02/2021 và tháng 8/2021 của dây hội ngày 10/02/2015 (AL) với số tiền 10.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] Về nghĩa vụ liên đới, trong quá trình giải quyết vụ án, ông C không đến tham dự phiên tòa, không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án. Theo xác minh của Công an xã M, huyện T, tỉnh Long An thì ông C hiện cư ngụ tại ấp 2, xã M, huyện T tỉnh Long An. Toà án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa và chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp. Ông C đã biết đầy đủ thông tin về vụ kiện và quá trình giải quyết vụ án của Toà án nhưng vẫn vắng mặt là không chấp hành thông báo của Toà án là mặt nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, theo bà B trình bày thì số tiền hốt hội này bà B dùng vào việc nuôi con và trang trải sinh hoạt thiết yếu trong gia đình, thời điểm tham gia chơi hội cho đến hiện nay, ông C bà B vẫn còn là vợ chồng hợp pháp, đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên Hội đồng xét xử buộc ông C có nghĩa vụ liên đới cùng bà B trả bà A số tiền nợ hội 10.000.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[9] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An là có cơ sở.

[10] Về án phí: Bà B và ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ phải thanh toán. Bà A không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Các Điều 207, 227, 147, 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hộ hui biêu phuong (gọi chung là hộ). Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà A.

Buộc bà B và ông C liên đới trả cho bà A số tiền là 10.000.000 đồng (kỳ hui chet thang 02/2021 và thang 8/2021 của dây hui ngay 15/02/2015  l)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: bà B và ông C phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà A không phải chịu án phí. Bà A được miễn nộp tạm ứng án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi nên không thực hiện hoàn lại tạm ứng án phí.

Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- CC THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Án văn, Lưu;

Hồ Bảo Trâm

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
Phiên tòa, ngày 31 tháng 12 năm 2014
THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Bảo Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tĩnh

2. Ông Lê Văn Tuấn

Xét xử vụ án: Ly hôn giữa: bà Nguyễn Thị Lệ Uyên và ông Phan Văn Phần.

Sau khi thảo luận Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 nhất trí:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 27; Điểm a khoản 1 Điều 33; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 199; Điều 202; Các điều 131, 238, 239, 243, 245 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 89, 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân – gia đình năm 2000.

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ Uyên, bà Nguyễn Thị Lệ Uyên được ly hôn với ông Phan Văn Phần.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Phan Chấn Hưng sinh ngày 25/9/2010 cho bà Nguyễn Thị Lệ Uyên được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phan Văn Phần có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 575.000 đồng (bằng ½ mức lương cơ bản tại thời điểm cấp dưỡng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Phan Văn Phần có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà Nguyễn Thị Lệ Uyên và ông Phan Văn Phần được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Lệ Uyên không đặt ra giải quyết nên Tòa không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ Uyên phải có nghĩa vụ chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình. Chuyển 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Uyên đã nộp theo biên lai thu số 0005437 ngày 10/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An thành án phí dân sự sơ thẩm. Bà Uyên không phải nộp thêm.

Ông Phan Văn Phần phải chịu 200.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tĩnh - Lê Văn Tuấn

Hồ Bảo Trâm